

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ngày ... tháng ... năm 2025)

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH CỦA VIS	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	Căn cứ pháp lý	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán; - Thông tư 121/2020/TT-BTC được Bộ Tài chính thông qua ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024;	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán; - Thông tư 121/2020/TT-BTC được Bộ Tài chính thông qua ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số .../2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2025;	Bổ sung thêm căn cứ pháp lý
2.	Điểm C) Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ c) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ c) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội	Bổ sung làm rõ thuật ngữ

			Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	
3.	Điều 3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp phát sinh tình huống được quy định tại Khoản 5 Điều này. 2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 (ba mươi) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. 3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại khoản 2, Điều này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 1. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật: a) Quyền và nghĩa vụ chung: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đều là đại diện hợp pháp của chủ tài khoản tại các tổ chức tín dụng, theo đó, bất kỳ người đại diện nào nêu trên cũng có quyền đại diện cho Công ty thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của chủ tài khoản và Người đại diện theo pháp luật tại tổ chức tín dụng. b) Quyền và nghĩa vụ riêng của người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc: - Là người đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trước các cơ quan tố tụng, giải quyết tranh chấp, thi hành án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. - Là người đại diện theo pháp luật của Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu, làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. - Là người đại diện cho Công ty trong quá trình làm	Bổ sung thêm chức danh Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, quyền và nghĩa vụ của từng Người đại diện và cơ chế chuyển giao quyền lợi và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật.

	4. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty. 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, bị chết, mất tích, bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc sau khi miễn nhiệm mà Hội đồng quản	việc, cung cấp tài liệu, thực hiện các thủ tục pháp lý tại các cơ quan quản lý, cơ quan nhà nước. - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ, bao gồm: (i) Ký tên trên chứng nhận cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác; (ii) Ký ủy quyền cho cá nhân khác đại diện Công ty tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của tổ chức khác, ký Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản; (iii) Công bố thông tin. - Các quyền và nghĩa vụ khác của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 42 của Điều lệ Công ty. c) Quyền và nghĩa vụ riêng của người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị: - Đại diện cho Công ty trong các vấn đề không thuộc thẩm quyền riêng của Tổng Giám đốc được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này và/hoặc ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc. - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều 37 của Điều lệ Công ty. d) Các đại diện pháp luật có trách nhiệm giữ mối quan hệ chặt chẽ và phối hợp cùng nhau điều hành và quản lý tất cả các công việc, giao dịch và dự án của Công ty. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông tin đến Chủ tịch Hội đồng quản trị về nội dung của các tài liệu,	
--	---	---	--

		trị chưa bầu được Chủ tịch Hội đồng quản trị mới thì đương nhiên Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Hội đồng quản trị bầu được người khác vào chức danh trên.	giao dịch tranh chấp...ảnh hưởng đáng kể đến quyền và nghĩa vụ của Công ty. 3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất 01 (một) Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Cơ chế chuyển giao quyền và nghĩa vụ giữa những Người đại diện theo pháp luật trong trường hợp 01 (một) Người đại diện theo pháp luật từ nhiệm/từ chức, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, thì: - Trường hợp Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị rơi vào các trường hợp nêu trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới. - Trường hợp Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc rơi vào các trường hợp nêu trên thì Chủ tịch	
--	--	--	---	--

			Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc. 4. Trường hợp chỉ còn lại 01 (một) Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật. Nếu hết thời hạn ủy quyền mà không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật. 5. Trường hợp Công ty chỉ còn 01 (một) Người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm	
--	--	--	--	--

			nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	
4.	Điểm a) Khoản 2 Điều 9	Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty 2. Nghĩa vụ đối với cổ đông: a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;	Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty 2. Nghĩa vụ đối với cổ đông: a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;	Chỉnh lại thống nhất định nghĩa Ban Tổng Giám đốc
5.	Điều 19	Điều 19. Chứng chỉ cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu 2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. 3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo phương án	Điều 19. Chứng nhận cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần. 3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo phương án	Điều chỉnh phù hợp với Điều 7, Điều 8 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của

		phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu mà không phải trả cho Công ty bất kỳ một khoản phí nào. 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu mà không phải trả cho Công ty bất kỳ một khoản phí nào. 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. 5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Điều lệ mẫu)
6.	Điểm 1) Khoản 2 Điều 20	Điều 20. Quyền của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: l) Quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ này.	Điều 20. Quyền của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: l) Quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này.	Chuẩn hóa lại dẫn chiếu đến các quy định trong Điều lệ hiện hành

7.	Khoản 3 Điều 20	Điều 20. Quyền của cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: a) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành. b) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 29 của Điều lệ này; c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên,	Điều 20. Quyền của cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	Sửa đổi nội dung Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Điều lệ mẫu)
----	--------------------	---	---	---

		địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
8.	Điểm n) Khoản 2 Điều 24	Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.	Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của quy định pháp luật và Điều lệ công ty.	Chuẩn hóa lại dẫn chiếu đến các quy định pháp luật hiện hành

9.	Điểm c) Khoản 2 Điều 25	Điều 25. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập theo phương thức điện tử phù hợp với quy định pháp luật hoặc phải lập thành văn bản nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây: c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	Điều 25. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập theo phương thức điện tử phù hợp với quy định pháp luật hoặc phải lập thành văn bản nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây: c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	- Bổ sung làm rõ các trường hợp ủy quyền và ủy quyền lại tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
10.	Điểm a) Khoản 2 Điều 26	Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực	Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực	- Sửa đổi nội dung theo Điều 141 Luật doanh nghiệp

		hiện những nhiệm vụ sau đây: a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	hiện những nhiệm vụ sau đây: a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	
11.	Khoản 4 Điều 27	Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật này.	Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh dẫn chiếu đến Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.
12.	Điều 34	Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án	Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm b	Bổ sung quy định rõ đối tượng có quyền yêu cầu xem xét, hủy bỏ Nghị quyết và bổ sung trường hợp về hiệu lực của Nghị quyết

		hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 của Điều lệ này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.	Khoản 2 điều 20 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 của Điều lệ này; b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. 2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	trong thời gian chờ giải quyết yêu cầu hủy bỏ đó.
13.	Khoản 2 Điều 37	Điều 37. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc.	Điều 37. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

14.	Điểm a) Khoản 1 Điều 39	Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này;	Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này;	Điều chỉnh lại dẫn chiếu đến Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ
15.	Điều chỉnh Khoản 1, Bổ sung Khoản 2 Điều 42	Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.	Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty. 2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ như	Bỏ chữ “Bổ nhiệm” không làm thay đổi ý nghĩa điều khoản . Bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

			sau: a) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo Điều 3 Điều lệ này, là đại diện hợp pháp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày, công việc nội bộ và bên ngoài của Công ty, trước cơ quan có thẩm quyền, đối tác, khách hàng. b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; h) Tuyển dụng lao động; i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành,	
--	--	--	---	--

			Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng Giám đốc điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.	
3.	Khoản 1 Điều 43	Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: 1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này.	Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: 1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 của Điều lệ này.	Điều chỉnh lại dẫn chiếu đến Khoản 2 Điều 42 của Điều lệ
4.	Điểm d), e), f) Khoản 1 Điều 39	Điều 45. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát: d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định	Điều 45. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát 1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát: d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định	Điều chỉnh lại dẫn chiếu đến Điểm c Khoản 2 Điều 20 của Điều lệ

		của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Điều lệ này; e) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty; f) Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.	của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này; e) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty; f) Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.	
5.	Khoản 5 Điều 46	Điều 46. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	Điều 46. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	Điều chỉnh lại dẫn chiếu đến Khoản 2

		5. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 22 Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.	5. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Việc bầu chọn thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 20 Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.	Điều 20 của Điều lệ
6.	Điểm a) Khoản 1 Điều 49	Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát 1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này;	Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát 1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này;	Điều chỉnh lại dẫn chiếu đến Điều 48 của Điều lệ